

Bản án số: 147/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/11/2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Dũng

Ông Đặng Ngọc Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 824/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Huy L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số 180/32/2A đường B, Phường 3, thành phố V, tỉnh V (có mặt).

Bị đơn: Bà Ngô Thị Ánh L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số 40/10 đường L, Phường 3, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Huy L trình bày:

Ông và bà Ngô Thị Ánh L tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố Vũng Tàu vào ngày 21-11-2000. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến giữa năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các công việc của gia đình. Ngoài ra do ông ở rể bên gia đình bà L nên mặc dù ông là người làm ra kinh tế nhưng bà L và gia đình không tôn trọng, luôn coi thường ông, bà L hay có lời nói xúc phạm đến danh dự của ông. Từ tháng 3/2018 hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay ông xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Thị Ánh L.

Về con chung: Ông và bà L có 01 (một) con chung là Trần Ngọc N, sinh ngày 08-4-2007. Do hiện nay cháu N đang sống với bà L nên ông nhường quyền nuôi cháu N cho bà L và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Ngô Thị Ánh L mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Trần Huy L yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị Ánh L có địa chỉ cư trú tại thành phố Vũng Tàu. Căn cứ Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô Thị Ánh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Ông Trần Huy L và bà Ngô Thị Ánh L tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà L thì thấy: Theo ông L thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong các công việc của gia đình. Ngoài ra do ông ở rể bên gia đình bà L nên mặc dù ông là người làm ra kinh tế nhưng bà L và gia đình không tôn trọng, luôn coi thường ông, bà L hay có lời nói xúc phạm đến danh dự của ông. Ông và bà L đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau, không còn quan hệ vợ chồng.

Theo xác minh tại địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông L và bà L là do gần đây việc kinh doanh buôn bán không được thuận lợi nên hai vợ chồng cãi vã to tiếng với nhau. Khoảng tháng 3/2018 sau khi hai vợ chồng cãi vã thì ông L bỏ nhà đi nơi khác sinh sống.

Tại phiên tòa, ông L xác định không còn tình nghĩa vợ chồng đối với bà L, hai bên đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà L là có thật, vợ chồng cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L là phù hợp.

Về con chung: Ông Trần Huy L và bà Ngô Thị Ánh L có 01 (một) con chung là Trần Ngọc N, sinh ngày 08-4-2007. Từ khi vợ chồng ly thân thì cháu N sống với bà L, cháu N có nguyện vọng ở với mẹ nên việc giao cháu N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Huy L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huy L đối với bà Ngô Thị Ánh L.

1. Về hôn nhân: Ông Trần Huy L ly hôn với bà Ngô Thị Ánh L.
2. Về con chung: Ông L và bà L có 01 (một) con chung là Trần Ngọc N, sinh ngày 08-4-2007. Bà Ngô Thị Ánh L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Ngọc N.

Ông Trần Huy L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Huy L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004255 ngày 16-8-2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông L còn phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- UBND Phường 3, Tp. Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hương

